

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 28

Phẩm 6: NÓI VỀ TÙY MIÊN (PHẦN 4)

Đã nói về phiền não tương ứng với các thọ. Nay, kể lại nên nói về tùy phiền não. Tụng rằng:

*Trong các tùy phiền não
Tật, hối, phẫn và não
Hại, hận, ưu đều khởi
San, tương ứng hỷ thọ.
Siểm, cống và miên, phú
Tương ứng cả lo mừng
Kiêu, hỷ, lạc đều xả
Còn bốn tương ứng khắp.*

Luận chép: Sáu thứ như tật, v.v... trong tùy phiền não, tất cả đều tương ứng với ưu căn, do vì hành buồn bã chuyển vận, chỉ địa ý.

Có sư khác nói: Não tương ứng hỷ, đẳng lưu kiến thủ, vì thích ứng với hành vui mừng, nên san tương ứng với hỷ, vì hạnh vui mừng chuyển vận, vì chỉ có địa ý. Hạnh vui mừng chuyển vận, nghĩa là vì tướng keo kiệt rất giống với tham.

Siểm, cống, miên, phú, tương ứng với ưu, hỷ, hành vui, buồn chuyển vận, vì chỉ địa ý, hành vui buồn. Nghĩa là hoặc có khi dùng tâm vui mừng mà hành động dua nịnh, v.v... đôi lúc dùng tâm hành lo buồn.

Có sư khác nói: Đã nói sự lừa dối (cống) là đẳng lưu tham, vì thế chỉ nên nói hành vui mừng, không nên nói tương ứng với ưu căn, là vì đẳng lưu vui mừng, không nên buồn bã. Lại, ngay khi lừa dối, không nên buồn bã, nên hoặc nói sự lừa dối là đẳng lưu si. Kiểu tương ứng với hỷ lạc. Hành vui mừng chỉ có ý, nên ở tính lự thứ ba tương ứng với lạc. Nếu ở các địa dưới thì sẽ tương ứng với hỷ.

Trên đây, đã nói các tùy miên não, tất cả đều tương ứng với xả thọ, vì khi nối tiếp nhau dứt, đều trụ ở xả, vì có cả hành, chỉ có địa xả, nên xả tất cả tương ứng không có ngăn dứt. Ví như vô minh vì tương ứng khắp, nên bốn thứ vô tâm, quý, hôn trầm, trạo cử khác, đều tương ứng khắp với năm thọ, hai thứ trước thuộc về pháp của địa đại bất thiện, hai thứ sau thuộc về pháp của đại phiền não địa.

Nói hai và tiếng, nhằm biểu thị rõ vấn nạn và giải thích nghĩa là đối với não, cưỡng lập ra vấn nạn như trước. Về lý, nên giải thích: “Nhân, quả khác nhau, như vô tâm, trạo cử, dù là đẳng lưu tham, nhưng cùng với khổ ưu, có nghĩa tương ứng, nên biết được nói đã nói tương ứng với thọ, không chỉ có nhân đồng, chỉ căn cứ ở khác nhau, thừa nhận có lo lắng, buồn bã mà kể hành động lừa dối, tâm có nỗi lo âu vì hành vi lừa dối, nên trong phiền não, tùy phiền não đã nói, có dựa vào môn khác, Đức Phật gọi là cái”.

Nay kể nên nói về tướng của cái thế nào? Tụng rằng:

*Cái năm chỉ cõi Dục
Thực trị nên dụng đồng
Dù hai, lập một Cái
Chướng uẩn nên chỉ năm.*

Luận chép: Như kệ kinh nói: Nếu nói năm cái là nhóm bất thiện, đây là chánh nói. Vì sao? Vì năm triền như thế, thuần túy là nhóm bất thiện gồm đủ, năm triền đó là:

1. Cái tham dục.
2. Cái giận dữ.
3. Cái hôn, miên.
4. Cái trạo, hối.
5. Cái nghi.

Khế kinh đã nói: Vì cái chỉ bất thiện, nên biết chỉ ở cõi Dục, không ở cõi Sắc, cõi Vô sắc. Do đó, vì chứng biết thể của hôn, trạo, nghi, dù đều có ở cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc, mà chỉ ở cõi Dục được gọi là cái.

Vì biểu thị rõ hai thứ hôn trầm, trạo cử, chỉ có ở người cõi Dục, vì có lập làm cái, nên hòa hợp với miên, hối mà lập. Miên, hối chỉ thuộc về cõi Dục. Vì chứng tỏ miên, hối chỉ là nhiễm ô, nghĩa là hòa hợp mà lập, vì hôn, trạo chỉ là tánh nhiễm ô. Nghi so sánh với bốn cái trước ở cõi Dục có thể biết.

Vì sao cái tham dục, giận dữ, nghi đều đối với một thể đặt riêng tên cái, mà hai cái hôn, miên, trạo hối kia, đều đối với hai thể hợp đặt tên cái?

Vì đối trị thức ăn của tham dục, giận, nghi, đều khác nhau, cho nên, mỗi thứ đều đặt riêng tên cái. Vì có thể đối trị thức ăn của hôn với miên và trạo với hối, thức ăn Có sự, dụng đều đồng, nên thể dù khác, nhưng đều hợp lập một. Thức ăn của cái tham dục là tướng đáng yêu, đối trị cái này là tướng bất tịnh. Thức ăn của cái giận dữ, là tướng đáng ghét, đối trị cái này là căn thiện từ. Thức ăn của cái nghi là ba đời, như kế kinh nói: Ở đời quá khứ, sinh nghi như thế, cho đến nói rộng. Đối trị cái này là khả năng quán sát như thật, duyên tánh duyên khởi. Thức ăn của cái hôn, miên, gọi là năm thứ pháp:

1. Mùi mờ.
2. Không vui.
3. Thường đuổi ra.
4. Tánh ăn bất bình.
5. Tâm tánh mờ tối, yếu kém.

Đối trị cái này, gọi là tướng ánh sáng. Dụng sự của cái này, gọi là đều có công năng khiến cho tâm tánh chìm đắm, mờ tối.

Thức ăn của cái trạo, hối, nghĩa là bốn thứ pháp:

1. Tầm bà con.
2. Tầm cõi nước.
3. Tầm không chết.

4. Tùy theo nghĩ nhớ về mỗi cảnh xưa đã trải qua với các việc như cười đùa, vui vẻ, thờ phụng, v.v... Đối trị cái này là tu Xa-ma-tha, vì sự dụng của cái này đều có công năng làm cho tâm không vắng lặng. Do đó, vì nói đồng công dụng đối trị thức ăn, nên hai cái hôn, miên, trạo hối hợp thành một. Hoặc tham, giận, nghi là phiền não đầy đủ, mỗi phiền não đều có công năng gánh vác tác dụng của một cái che lấp. Hôn miên, trạo hối không phải phiền não đầy đủ, nên hợp cả hai, mới gánh vác tác dụng một cái che lấp.

Năm thứ này gọi Cái, nghĩa ấy thế nào?

Nghĩa là chắc chắn có thể ngăn che Thánh đạo, gia hạnh Thánh đạo, nên đặt tên là cái.

Nếu vậy, nên các phiền não, v.v... đều được gọi là cái, tất cả đều có thể ngăn che Thánh đạo và gia hạnh. Như Đức Thế tôn bảo các Bì-sô: “Nếu vì một pháp bị ngăn che, sẽ không thể hiểu rõ mắt là không phải thường”.

Một pháp, gọi là tham, cho đến nói rộng.

Mỗi pháp nói riêng, như trong Tạp sự, vì sao Đức Thế tôn nói cái chỉ có năm?

Về lý, thật ra nên như vậy. Nhưng, Phật, Thế tôn đối với lập môn cái, chỉ nói có năm, nghĩa là chỉ cái này đối với năm uẩn, có thể làm chướng ngại vượt hơn, tức như cái tham, giận có thể chướng ngại uẩn giới, như thứ lớp, khiến cho xa: lia ác dục, hôn trầm, thù miên, có thể chướng ngại uẩn tuệ. Hai thứ này đều khiến cho xa lia Tỳ-bát-xá-na. Trạo cử, ác tác có thể chướng ngại uẩn định. Hai thứ này đều khiến cho xa lia Xa-ma-tha.

Bốn cái như thế, dần dần khiến cho vượt ngoài pháp trắng. Do đó, về sau khiến cho bốn đế của quả nghiệp sinh nghi, vì nghi, nên khiến cho đến được giải thoát, giải thoát tri kiến đều không được khởi, nên chỉ năm thứ này lập làm cái.

Nếu vậy thì cái trạo, hối là hôn, miên đã nói trước kia, thuận với uẩn giới, định, tuệ, vì theo thứ lớp mà nói? không như vậy, thì người phá hoại thứ lớp trong đây, là ý Đức Thế tôn muốn chỉ rõ nghĩa khác nhau, nghĩa là trong kệ kinh, Đức Phật đã y theo chánh lý để nói về cái hôn, miên: “Tỳ-bát-xá-na, có thể trị không phải chỉ. Nói cái trạo, hối chỉ Xa-ma-tha, có thể trị không phải quán”. Đây là căn cứ ở chế phục, dứt trừ để nói về môn chỉ quán, trị riêng hai cái hôn miên, trạo hối, nếu căn cứ ở dứt hẳn, thì môn chỉ quán này đối trị tất cả dụng không có sai khác. Vì biểu thị rõ lý này nên phá hoại thứ lớp.

Vì sao vô minh không lập làm cái?

Vì không nói mà thành, như kệ kinh nói: Đối tượng che lấp vô minh, che lấp tức là cái.

Có sư khác nói: Những người gánh vác lập vô minh trong các cái, đối với đó đã gánh vác riêng nặng, cho nên không nói.

Vì sao mạn không lập là cái?

Vì người do mạn có thể tu pháp vượt hơn, vì nghĩa cái yếu kém, không lập trong cái.

Có sư khác nói: Luận về cái, nghĩa là khiến cho tâm khởi pháp hạ, mạn thì không như vậy, vì khiến cho tâm khởi pháp thượng.

Vì sao các kiến không lập trong cái?

Vì kiến, các hữu tình thiếu, không phải ngã kiến, nghĩa là dù chấp có ngã, nhưng vẫn lia được nhiễm.

Có thuyết nói: Vì các kiến với tính chất lạnh lợi, nên không thuận với nghĩa cái. Tánh cái chậm chạp, pháp khác trong tùy phiền não, không lập làm cái.

Căn cứ ở nói trước đã nói, nên như lý tư duy:

Hoặc của hai cõi trên, không lập cái. Nghĩa là lia nhiễm ba cõi,

vì đầu tiên chẳng phải chướng. Lại, cõi trên vô ký, cái chỉ có bất thiện. Nay nên tư duy lựa chọn.

Các tùy miên, v.v... do đâu mà dứt trừ?

Vì tuệ quán kiến đối tượng duyên của tùy miên kia, nên tùy miên, v.v... dứt.

Nếu vậy thì biến hành của cõi Dục, cõi khác, và kiến Diệt, Đạo dứt, trong ba cõi hữu lậu duyên “hoặc” nên không có nghĩa dứt. Duyên khổ, tập đế, pháp trí nhãn sinh, vì chỉ duyên khổ, tập đế cõi Dục, duyên diệt, đạo đế các trí nhãn sinh, vì chỉ duyên vô lậu làm cảnh giới, nên không có lỗi như thế.

Ta thừa nhận các hoặc dứt hẳn, vì phương tiện có nhiều thứ, là có bao nhiêu thứ?

Gồm có bốn thứ. Bốn thứ đó là: Tụng rằng:

Biết khắp cảnh sở duyên

Dứt cảnh năng duyên kia

Dứt cảnh sở duyên ấy

Khởi đối trị nên dứt.

Luận chép: Dứt hoặc do kiến dứt, do ba phương tiện trước.

1. Vì biết khắp cảnh đối tượng duyên, nên dứt. Nghĩa là cõi mình duyên hoặc do thấy khổ, tập mà dứt của cõi Dục. Tất cả các hoặc do thấy khổ, tập dứt cõi Sắc, cõi Vô sắc. Do duyên địa, cõi khác của hai cõi trên, cũng do biết khắp đối tượng duyên dứt, duyên khổ, tập đế, loại trí nhãn sinh, đều có khả năng quán tức khắc cảnh ba cõi và chung cả vô lậu duyên hoặc do thấy diệt, đạo dứt của ba cõi.

Các hoặc như thế, đều do biết khắp đối tượng duyên mà dứt, nên hai là do dứt hoặc kia, vì chủ thể duyên, nên dứt, nghĩa là cõi người khác thuộc về cõi Dục, cõi mình duyên hoặc, do thấy khổ, tập thuộc về cõi Dục, làm chủ thể duyên hoặc cõi kia. Chủ thể duyên hoặc này có công năng tạo ra sự chõ dựa, gìn giữ đối với đối tượng duyên hoặc kia. Vì chõ dựa, gìn giữ đã dứt, thì hoặc chủ thể duyên kia cũng sẽ dứt theo. Như người bị bệnh gầy ốm, phải nương vào chiếc gậy mà đứng, khi xả cây gậy kia, thì họ cũng ngã theo, làm sao ở hoặc kia có thể tạo ra sự nương tựa, gìn giữ? Do hoặc này có công năng làm nhân đối với hoặc kia.

Lẽ nào không phải hoặc này tức nói do hại nhân, nên dứt?

Thật vậy, duyên hoặc này, duyên hoặc kia, chỉ là tên khác, nhưng vì ngăn dứt lỗi lẫn lộn, nên tạo ra nói này: “Nghĩa là hoặc cõi Dục cõi mình, cõi người duyên, đều có hoặc này, hoặc kia làm nghĩa nhân lẫn

nhau, nhưng không có hoặc này hoặc kia lần lượt duyên nhau, nên đối với đây nói chủ thể duyên dứt. Muốn cho dễ hiểu rõ, chỉ duyên cội người khác, do dứt nhân này, hoặc kia liền dứt theo. Ba là do dứt đối tượng duyên kia, nên dứt, nghĩa là các hữu lậu duyên hoặc. Do vô lậu duyên hoặc hay làm đối tượng duyên kia, khi đối tượng duyên dứt, thì hoặc do chủ thể duyên dứt theo như người bệnh gầy ốm, nhờ chống gậy mà đi, khi vứt gậy, thì sẽ ngã theo”.

Vì sao đối với hoặc, bị dứt này, vì có dứt chủ thể duyên, nên nói đối tượng duyên dứt?

Như khi duyên Khổ, Tập cội Dục, khởi hiện quán, có dứt đối tượng duyên, nên nói chủ thể duyên dứt, như khi duyên các diệt, đạo khởi quán, dù thật sự bấy giờ khổ, tập này diệt, đạo kia đều dứt, nhưng do chỗ dứt có hơn, có kém, nên nói khi dứt có hơn sự kém dứt theo, nghĩa là nếu đối với đối tượng duyên của hoặc kia, tuệ vô lậu sinh, hay làm đối trị hoặc kia, gọi là vượt hơn, thì pháp khác gọi là kém.

Vì sao riêng hoặc kia được gọi là vượt hơn?

Vì ở đối tượng duyên hoặc kia, tuệ vô lậu khởi, chuyên vì đối địch với hoặc kia, phát ra công dụng. Nếu thừa nhận hoặc dứt, phương tiện có nhiều thì có khi do chủ thể duyên dứt, nên dứt theo, có khi đối tượng duyên dứt, nên dứt theo.

Vì sao nói trước nói: Vì tuệ quán thấy đối tượng duyên của tùy miên, nên dứt tùy miên v.v...

Chỉ nên ở đây, trước lập tông rằng: “Dứt hẳn các hoặc, do nhiều phương tiện, chớ cho rằng trước lập tông với sau giải thích, vì ngôn, nghĩa đều khác, trước sau trái nhau, như trước lập tông, sau giải thích không khác. Trước, căn cứ ở đối tượng duyên hoặc phải quán, Sau, vì căn cứ ở giữa có sai khác, nên hoặc trước nêu vượt hơn, sau nói cả thua kém. Chánh đối địch gọi là vượt hơn”.

Đã nói ba phương tiện dứt hoặc do kiến dứt, dứt hoặc do tu dứt. Do phương tiện thứ tư, nghĩa là hoặc kia chỉ vì trị khởi, nên dứt, vì nếu đạo đối trị phẩm này sinh, tức các hoặc trong phẩm ấy dứt tức khắc, như lúc đạo đối trị phẩm hạ hạ khởi, thì hoặc phẩm thượng thượng, đều dứt tức khắc, đến khi đạo trị phẩm thượng thượng khởi, thì hoặc phẩm hạ hạ, đều dứt ngay. (Lý hướng như thế, về sau sẽ nói rộng).

Lẽ nào không phải thời gian dứt hoặc của tất cả kiến dứt, cũng do đạo đối trị khởi hay sao?

Vì nếu đạo đối trị bộ này sinh, thì các hoặc trong bộ này, dứt, nên về lý, thật sự nên như vậy. Nhưng đối với đây, vì biểu thị rõ hoặc

do tu dứt của ba cõi chẳng phải không là đều do đạo trị của chín phẩm đạo dứt, vì chắc chắn, nên nói lời này: “Chỉ có hoặc của Đảnh vị trong kiến dứt, đối trị chắc chắn như trước đã nói về hoặc. Khi các hoặc dứt do kiến dứt, vì phương tiện chắc chắn có ba, nên căn cứ nói riêng, hoặc do tu dứt, vì phương tiện năng dứt không quyết định, nên căn cứ chung mà nói”.

Lẽ nào không phải phương tiện thứ tư đã nói với nghĩa tông trước không tương quan hay sao?

Nghĩa là dùng trí diệt, đạo trong vị tu, chủ thể dứt hoặc do tu dứt của ba cõi. Vì tuệ không phải kiến đối tượng duyên của hoặc này, nên nghĩa này thật sự không tương quan với nghĩa tông kia: Vì Tông trước chỉ nói kiến dứt, nếu tông kia gồm nhiếp chung, cũng không trái nhau. Kiến đối tượng duyên của hoặc kia, vì trị hoặc này sinh.

Nói đối trị, gồm có bao nhiêu thứ?

Tụng rằng:

Đối trị có bốn thứ

Là: dứt, trì, xa, chán.

Luận chép: Các môn đối trị, gồm có bốn thứ:

1. Đối trị dứt. Nghĩa là đạo gần, chủ thể dứt đặc của các hoặc, tức đạo Vô gián.

2. Đối trị trì. Nghĩa là đạo đầu tiên với dứt đặc đều có sinh, tức đạo Giải thoát. Do đạo như thế, vì trì dứt đặc, nên khiến cho đặc các hoặc không nối tiếp sinh.

3. Đối trị phần xa. Nghĩa là đạo có thể khiến cho đặc của hoặc, được dứt trước kia, chuyển biến lại thành xa, tức đạo thắng tiến, đạo đã khởi ở sau đạo Giải thoát, gọi là thắng tiến, cho đến đặc kia đều khởi sinh, v.v... cũng được gọi là đạo, khiến cho đặc và hoặc trái nhau, vì các đặc nối nhau tăng.

4. Đối trị bệnh chán. Nghĩa là đạo thuận theo trong cõi nào, địa nào, nhận thấy các lỗi sâu, sinh bệnh nhàm chán, tức là ở địa kia, dùng các thứ môn quán nghĩa lỗi. Đây là chỉ thuộc về các nhóm tác ý nhàm chán. Do thế lực này, lập ra cảnh giới tốt đẹp thuộc về thời gian sau, cũng không tham đắm, nên biết phần nhiều là đạo gia hạnh, vì không phải chắc chắn, nên không nói, ở đầu, phần nhiều nói “nên biết vì làm sáng tỏ duyên Khổ, Tập đế trong đạo Vô gián, Giải thoát, Thắng tiến cũng đối trị bệnh nhàm chán”.

Đã nói về đối trị hoặc, sẽ nói về lý dứt hoặc.

Các hoặc dứt hẳn là chắc chắn từ đâu? Là từ đối tượng duyên hay

từ tương ứng? Hay từ tự tánh?

Vì sao sinh nghi, đối với ba thứ này vì đều thấy lỗi? Và lại, không nên nói là dứt từ đối tượng duyên. Nghĩa là nếu pháp này là đối tượng duyên của pháp kia, vì chưa hề có lúc nào chẳng phải đối tượng duyên, nên cũng không thể nói là dứt từ tương ứng, nghĩa là pháp tương ứng làm nhân lẫn nhau, vì pháp này không có lúc nào chẳng phải tánh nhân. Lại do hoặc này khiến cho tâm thành nhiễm, vì tâm này không có lúc nào thành không nhiễm, nên cũng không thể nói là dứt từ tự tánh, nghĩa là pháp không có chấp nhận xả tự tánh, vì khi dứt hoặc, không thể khiến cho các pháp, bị dứt kia, mất đi tánh của chỗ đã dứt.

Cho nên phải tư duy hoặc dứt từ đâu?

Tụng rằng:

Nên biết từ sở duyên

Khiến các hoặc được dứt.

Luận chép: Các hoặc dứt hẳn, chắc chắn từ đối tượng duyên, vì sức biết khắp đối với đối tượng duyên, nên khiến cho hoặc dứt hẳn như trước đã nói, nhưng đối tượng duyên hoặc, gồm có hai thứ: Nghĩa là sự có trói buộc và sự không trói buộc. Duyên sự có trói buộc làm cảnh các hoặc và, từ sức hoặc này dẫn sinh, không duyên việc này làm các hoặc của cảnh. Như thế, hai hoặc ở một hữu tình dẫn khởi các đặc trong hiện nối tiếp nhau. Nếu không có tâm nhiễm ô hiện ở trước, thì đặc này thường vận hành không có dứt quãng, làm nhân quả cho các hoặc ở đời quá khứ, vị lai.

Như thế, nên biết duyên sự không trói buộc làm cảnh các hoặc và do thế lực của hoặc này đã dẫn tùy từng hiện hành, không duyên việc này làm cảnh cho các hoặc, đã dẫn khởi loại đặc cũng đồng với trước.

Nói là nhân quả của hoặc quá khứ, vị lai. Nghĩa là các đặc này khi hiện ở đời, là vì tánh đẳng lưu của hoặc quá khứ, nói là quả, là hoặc vị lai, vì sinh tánh duyên nên nói là nhân. Nhưng các đặc này, trái với các đặc hiện hành, đẳng lưu đối trị dứt, năng gìn giữ các hoặc sở đắc quá khứ, vị lai, nên khiến cho tất cả duyên hoặc việc này và duyên hoặc khác, nối tiếp nhau chuyển, khi duyên theo cảnh việc này, các đẳng lưu đối trị dứt khởi, đặc hoặc bèn dứt. Các hoặc đặc đối với tự đối tượng duyên, dù thể cũng có, nhưng do đặc của nhân quả dứt hẳn, nên có thể gọi là dứt, do ở một ít cảnh, nếu chưa biết khắp duyên hoặc cảnh này và do sức của hoặc này dẫn khởi, duyên hoặc cảnh khác, đã dẫn đặc nhân quả của hoặc quá khứ, vị lai, Vô gián trong hiện tại nối tiếp nhau mà chuyển. Nếu khi biết khắp đặc ở cảnh ít đặc hoặc chỗ dẫn, bèn không

còn chuyển vận, nên biết hoặc dứt, chắc chắn từ đối tượng duyên.

Như trước đã nói đối trị phần xa, tất cả tánh xa, gồm có bao nhiêu thứ? Tụng rằng:

*Tánh xa có bốn thứ
Là tướng, trị thời, xứ
Như Thi-la đại chủng
Phương khác, thế giới khác.*

Luận chép: Tất cả tánh xa gồm có bốn thứ:

1. Tánh xa nhau, như bốn đại chủng dù đều có sinh đối với một nhóm, vì khác nhau, cũng gọi là xa.

2. Trị tánh xa, như trì, phạm giới, dù đều có hành trong một thân, vì trị nhau, nên cũng gọi là xa.

3. Tánh xa của xứ, như hai bờ biển, dù đều ở bên một biển cả, vì phương, xứ cách biệt nhau, nên cũng gọi là xa.

4. Tánh xa của thời gian, như đời quá khứ, vị lai, dù đều có y cứ trên một pháp để lập, vì thời phần cách xa, nên cũng gọi là xa.

Đối với đâu nói là xa?

Đối với Vô gián của đời hiện tại đã diệt và lúc chánh sinh với hiện gần nhau.

Như thế nào gọi là xa?

Vì không phải các cảnh như mắt, v.v..., hoặc vì không có tác dụng, nên vô vi chẳng phải thời gian không thể vấn nạn, vì thể hư không khắp hai diệt khắp đặc, nên trong khế kinh cũng nói là gần. Đồng với tiếng vì nói nêu pháp chưa hết.

Đã nói về sự sai khác của đối trị phiền não. Tu có thể đối trị các hoặc, chỗ dứt trong vị thắng tiến là dứt lại không?

Ly hệ đặc có đặc lập lại chăng? Tụng rằng:

*Các hoặc, không dứt lại
Ly hệ có đặc lại
Tức trị quả sinh đặc
Luyện căn trong sáu thời.*

Luận chép: Các hoặc được dứt, vì được đạo Vô gián của phần mình, nên bèn dứt hẳn tức khắc, thời gian sau lui sụt lìa, không có nghĩa dứt nữa, vì dứt rồi, lại dứt, tức là hoài công vô ích.

Ly hệ đặc dù không có tùy theo lý thắng tiến của đạo dứt, mà khi tiến đạo, chấp nhận có khởi lại đặc vượt hơn kia, về lý vì thuộc về đạo của ly hệ đặc, Khi đạo xả đặc, ly hệ kia cũng xả đặc nên các ly hệ có lý đặc lập lại. Đặc này căn cứ chấp nhận có lúc gồm có sáu, nghĩa là đạo

trị khởi luyện căn của quả đắc.

Nói trị sinh là nói gọi chung hai nghĩa: nếu căn cứ ở chủ thể chứng ly hệ này, sẽ gọi là đạo Vô gián, nếu căn cứ ở chánh chứng ly hệ này sẽ gọi là đạo Giải thoát.

Nói quả đắc. Nghĩa là đắc quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán.

Nói luyện căn. Nghĩa là căn tăng tiến, do sáu thời gian này, được đạo chưa từng có xả, vì đạo từng được ly hệ. Nói đắc quả, lời nói đã không có sai khác, như gồm nhiếp bốn quả, nên gồm nhiếp luyện căn, vì thời gian chuyển căn sẽ đắc quả, nên đâu nhọc công sức nói nhiều lời luyện căn này. Vì làm sáng tỏ sự luyện căn khác với dứt hoặc, đắc quả, vì ngoài đắc quả, nói về luyện căn, không có lỗi. Nhưng ly hệ đắc, tùy theo đối tượng thích ứng của đắc, có đủ sáu thời gian, cho đến chỉ có hai, nghĩa là kiến bốn để dứt thuộc về cõi Dục và kiến ba để dứt của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Đã được ly hệ đắc, đủ sáu thời gian. Thấy đạo để dứt của sắc, Vô sắc, đã được ly hệ đắc chỉ có năm thời gian, do vì thời gian trị sinh thì đắc quả.

Nói đắc quả rồi, không nói trị sinh. năm phẩm tu dứt cõi Dục, ly hệ cũng năm thời lượng đắc, trừ quả Dự lưu. Ly hệ đắc thứ sáu chỉ có bốn thời gian, vì thời gian đắc của quả trị sinh không có khác nhau. Phẩm thứ bảy, thứ tám, cũng chỉ bốn thời gian vì trừ hai quả trước trong bốn quả đắc.

Ly hệ đắc thứ chín chỉ ba thời gian, cũng thời gian trị sinh tức đắc quả.

Trong tu dứt của cõi Sắc, cõi Vô sắc, chỉ trừ Hữu Đảnh. Ly hệ khác của ly hệ thứ chín cũng chỉ ba thời gian, vì trừ ba quả trước trong bốn quả đắc.

Đắc thứ chín của Hữu Đảnh chỉ có hai thời gian, vì đắc quả trị sinh, đồng một thời gian.

Trên đây là y cứ ở căn tánh chậm lụt mà nói, nếu căn cứ ở căn tánh nhạy bén, thì trừ đắc của luyện căn trong các vị trước.

Lẽ nào không phải tám địa chấp nhận đạo thế tục dứt, nên chia làm hai thứ đắc của thời gian đối trị sinh? Không như vậy, thì nói này nói đắc dần dần, có lẽ thuyết này chỉ vì căn cứ ở đắc vô lậu.

Nếu căn cứ vượt thứ lớp, có cả đắc hữu lậu, thì thuộc về đạo thế tục.

Tùy theo lia ít nhiều trong nhiệm tám địa, người nhập đạo Thánh,

ly hệ đặc kia tùy theo đối tượng thích ứng, có đủ sáu thời gian, cho đến chỉ một thời gian, vì căn tánh nhạy bén, thời gian trừ luyện căn, nghĩa là trong cõi Dục, trước dứt năm phẩm nhập kiến đế, nghĩa là năm phẩm ly hệ do kiến dứt kia đủ sáu thời gian đặc: có hai thứ: Thời lượng tự trị sinh, và thời gian đặc quả. Lại nữa, bốn thành sáu, năm phẩm ly hệ do tu dứt kia, chỉ có năm thời gian đặc, trừ quả Dự Lưu. Người nhập kiến đế của sáu phẩm trước, sáu phẩm ly hệ do kiến dứt trước kia cũng năm thời gian đặc, trừ một như trước. Sáu phẩm ly hệ do tu dứt kia, chỉ đặc của thời gian trị sinh của đạo thế tục, không khởi đối trị vô lậu kia, vì thuộc về đạo hưởng của quả Nhất lai nên không phải thời điểm trụ quả khởi hưởng đạo kia, do trụ quả vượt hơn, không khởi thua kém, trước dứt tám phẩm, nhập kiến đế, là tám phẩm ly hệ do kiến dứt kia cũng năm thời gian đặc, trừ một như trước. Sáu ly hệ trước do tu dứt, chỉ một thời gian đặc, như trước, nên biết.

Bảy, tám ly hệ, chỉ bốn thời gian đặc. Nghĩa là hai trị sinh và hai đặc quả, chín phẩm dứt trước, dựa vào quả Vị chí nhập kiến đế, chín phẩm ly hệ do kiến dứt kia cũng có bốn thời gian đặc, như trước nên biết.

Căn cứ địa căn bản nhập kiến đế: chín phẩm ly hệ do kiến dứt kia, cũng với một thời gian đặc, như trước nên biết, vì căn bản không phải đối trị dứt của cõi Dục. Hoặc dựa vào Vị chí, hoặc dựa vào căn bản, chín phẩm ly hệ do tu dứt kia, cũng với một thời gian đặc, như trước nên biết, sẽ không khởi đối trị vô lậu kia, vì thuộc về đạo hưởng của quả Bất hoàn, trước dứt bảy địa trên, nhập kiến đế: bảy địa ly hệ do thấy ba đế dứt kia, cũng có bốn thời gian đặc, như trước nên biết. Bảy địa ly hệ do thấy đạo của đế dứt, chỉ ba thời gian đặc. Nghĩa là một trị sinh và hai đặc quả, vì trị sinh vô lậu, tức đặc quả.

Bảy địa ly hệ do tu dứt kia, chỉ ba thời lượng đặc. Nghĩa là hai trị sinh và một đặc quả.

Tám địa liả đủ nhập Thánh đạo: Dứt hoặc Hữu Đảnh trong vị kiến, tu, ly hệ ba thời gian do kiến ba đế dứt. Nghĩa là một trị sinh và hai đặc quả. Hai thời gian ly hệ do thấy đạo đế dứt, do thời gian trị sinh và một đặc quả. Ly hệ thứ chín chỉ một thời gian đặc, do thời gian trị sinh, tức là đặc quả.

Các phần liả nhiệm, tiến tới dứt trong vị kiến, tu, pháp khác, căn cứ ở vị này, nên nói.

Vì sao khi chứng đặc quả sau, đặc lại ly hệ mà thời gian trước đã đoạn?

Vì Chí giáo. Nghĩa là trong khế kinh nói: Căn cứ ở chánh chứng đắc quả A-la-hán.

Nói lời như thế, nên biết như thế, nên thấy như thế. A-la-hán kia, từ tâm dục lậu, được giải thoát, cho đến nói rộng.

Do trong vị này cũng được nhằm chán đối trị tai hại của cõi Dục, ngang bằng với pháp trí Vô học, nên biết ly hệ kia cũng nên đắc lại.

Trước đã nói sáu phẩm dứt dục, chín phẩm nhập kiến đế, A-la-hán kia trước đã tu dứt sáu, chín ly hệ, không có đắc vô lậu, vì không bao giờ được, hay là tạm thời không được ư?

Nên nói một cách chắc chắn: A-la-hán kia vĩnh viễn không được.

Lẽ nào không phải khi chứng đắc A-la-hán, sẽ được các đắc vô lậu, tất cả ly hệ do kiến, tu dứt của thời gian trước. Nếu thời gian trước đã dứt, ly hệ có đắc vô lậu thì thời gian hiện nay xả, đối với thời gian trước kia, hiện nay, lẽ ra được vô lậu. Nếu trước kia không có, thì thời nay cũng không có. Khi được ly hệ, chỉ tự trị khởi, và vì khi xả đạo thua kém, được đạo vượt hơn, nên các hữu trước dựa vào tính lự căn bản, nhập kiến đế, khi được Vô học, tức từ tâm dục lậu được giải thoát.

Căn cứ người dựa vào Vị chí, nhập kiến đế và người theo thứ lớp mà nói, nên không có lỗi, tức các ly hệ được biết khắp trong vị kia kia, gọi là y theo vượt hơn để lập.

Biết khắp có hai:

1. Trí biết khắp.
2. Dứt biết khắp.

Trí biết khắp. Thể tức là tuệ, chỉ là vô lậu.

Dứt biết khắp. Thể tức là ly hệ, vì là quả trí, nên được gọi là biết khắp, như nghiệp giải danh, bày nghiệp giải quả.

Nếu vậy, thì quả nhân, nên không phải biết khắp?

Vì quyền thuộc của trí, nên gọi là biết khắp, không có lỗi. Hoặc ở thời gian sau, chuyển thành quả trí, vì mỗi đạo dứt đã được ly hệ, đều lập một biết khắp, vì tất cả đạo dứt, đã được ly hệ, lập chung một biết khắp.

Cả hai đều không đúng, vì có lỗi quá rộng, quá lược.

Nếu vậy thì thế nào? Tụng rằng:

Dứt biết khắp có chín

Dục đầu hai: dứt một

Hai đều một hợp ba

Cõi trên ba, cũng vậy

Năm khác, thuận phần dưới

Sắc tất cả dứt ba.

Luận chép: Các dứt, lập chung chín thứ, biết khắp chỉ lập chín duyên, (như sau sẽ nói).

Chín thứ biết khắp là gì?

Vả lại, dứt phiền não, v.v... chỗ dứt của kiến đế thuộc về ba cõi.

Lập sáu biết khắp. Nghĩa là hai bộ đều thuộc về cõi Dục, dứt lập một biết khắp. Kế là hai đều có một, vì cõi trên cũng vậy, nên hợp thành sáu. Dứt phiền não, v.v... do tu đạo dứt, thuộc về ba cõi. Lập ba biết khắp. Nghĩa là dứt phiền não, v.v..., sở dứt của tu đạo, thuộc về cõi Dục, lập một biết khắp, nên biết tức là năm kiết thuận phần dưới. Kết tận, biết khắp, và vì lập trước, nên dứt phiền não, v.v... do tu đạo dứt, thuộc về cõi Sắc, lập một biết khắp. Nên biết, biết khắp này tức là biết khắp ái tận cõi Sắc, dứt phiền não, v.v..., chỗ dứt của tu đạo, thuộc về cõi Vô sắc, lập một biết khắp, tức biết khắp tất cả kiết dứt hẳn. Biết khắp này cũng hợp với trước, lập một.

Đã lập chín thứ biết khắp như thế, nên nói trong đó có bao nhiêu quả đạo nào? Tụng rằng:

Trong ấy quả nhãn sáu

Còn ba là quả trí

Quả Vị chí, tất cả

Căn bản năm, hoặc tám

Quả biên, Vô sắc một

Ba căn bản cũng vậy

Quả tục, hai Thánh chín

Pháp trí ba, loại hai

Quả phẩm pháp trí sáu

Quả phẩm loại trí năm.

Luận chép: Trong chín thứ biết khắp này, vả lại, nên trước nói với đạo Nhãn trí, làm quả sai khác. Quả nhãn có sáu, nghĩa là sáu thứ biết khắp của pháp dứt, kiến dứt, thuộc về ba cõi.

Quả trí có ba. Nghĩa là biết khắp thuận với ái sắc, phần dưới, tất cả kết tận. Do ba biết khắp này là quả tu đạo.

Do đó đã nói về quả của thấy đạo, tu đạo với địa tĩnh lự là quả riêng. Quả của tĩnh lự Vị chí có chín. Đây là vì căn cứ nơi dứt tất cả, nên quả tĩnh lự căn bản năm, hoặc tám.

Nói năm: Sư Tỳ-bà-sa nói: Vì tĩnh lự căn bản không phải trị dứt cõi Dục.

Nói tám: Tôn giả Diêu Âm nói: Tĩnh lự căn bản vì cũng là dứt trị

cõi Dục, nên trừ biết khắp do thấy đạo dứt của cõi Sắc, cõi Vô sắc, thời gian đạo, loại trí vì nhóm hợp chung biết khắp, nên tĩnh lự trung gian, như nói căn bản.

Lẽ nào không phải khi chỗ dựa tĩnh lự căn bản, nhập kiến đế, cũng tu vị lai, dựa vào quả Vị chí. Đạo trị dứt cõi Dục vì được trị, dứt, nên cũng chứng ly hệ đắc vô lậu, pháp dứt, kiến dứt cõi Dục kia. Tức nói căn bản chỉ được năm quả?

Sự trách cứ này không không đúng, vì bấy giờ, người đã tu, dựa vào đối trị dứt của Vị chí, chỉ vì đối trị dứt của cõi Sắc, cõi Vô sắc, nên đạo địa căn bản không thể làm đối trị dứt cõi Dục, thì việc hiện khởi kia, làm sao có thể tu đạo trị dứt cõi Dục? Do địa kia đã tu trị dứt của Vị chí, vì chỉ trị cõi trên, nên quả chỉ có năm. Làm quả khác cho địa Vô sắc: Quả của bên địa Vô sắc, chỉ có một, nghĩa là dựa vào đạo địa phần gần của Không xứ, được ái sắc tận, vì quả biết khắp, nên bậc Thánh dựa vào tục, đạo, lia các vị nhiễm, quả dứt đã được, cũng gọi là biết khắp, vì được ly hệ đắc vô lậu nên quả của ba căn bản trước cũng chỉ một, nghĩa là dựa vào ba căn bản trước của Vô sắc, được tất cả quả đều biết khắp.

Do đó, đã nói tĩnh lự Vô sắc, đều được biết khắp, quả nhiều, ít khác nhau, làm quả khác của Thánh đạo và thế tục. Nghĩa là hai quả đạo, tục, gọi là năng lực đạo tục, chỉ có thể đạt được thuận với tận phần dưới và quả biết khắp của ái sắc tận, nên quả Thánh đạo chín nghĩa là năng lực Thánh đạo, cho đến có thể vượt qua hai Hữu Đảnh. Nên biết hai trong chín là quả chung, bảy quả không chung vì chỉ có quả Thánh, nên làm quả riêng cho pháp loại trí. Quả pháp trí có ba, nghĩa là sức pháp trí có thể dứt tu dứt của ba cõi. Quả loại trí có hai, nghĩa là sức loại trí dứt tu sở dứt cõi Sắc, cõi Vô sắc. Cùng với phẩm pháp loại làm quả riêng là quả phẩm pháp trí có sáu: tức là sáu quả mà pháp nhãn, pháp trí trước kia đã được.

Quả của phẩm loại trí có năm: Tức là quả loại trí, loại nhãn trước kia đã được. Phẩm là nói gồm nhiếp chung trí và nhãn. Bốn quả không chung trong sáu phẩm pháp, ba thuộc về pháp nhãn, một thuộc về pháp trí, hai là quả chung, nghĩa là hai cặp sau cùng thuộc về hai thứ trí: pháp và loại. Ba là quả không chung trong năm phẩm loại, đều thuộc về loại nhãn, hai là quả chung, tức là hai nghĩa sau cuối, như trước đã giải thích.

Vì sao mỗi đạo đã được dứt, không là mỗi đạo đều lập làm một biết khắp?

Vì khi dứt hẳn nói là biết khắp, như khế kinh nói: Nay ta vì ông nói rộng về biết khắp, cho đến nói rộng.

Trong đây, thế nào gọi là biết khắp?

Nghĩa là tham dứt hẳn, giận dứt hẳn, si dứt hẳn, cho đến nói rộng.

Nói lời dứt hẳn, là biểu thị rõ dứt sở đắc, đều không có ràng buộc theo, mới gọi là biết khắp.

Sao gọi là có tùy theo dứt ràng buộc? Sao gọi là không có tùy theo dứt ràng buộc?

Đoạn, đủ ba thứ hoặc bốn thứ, duyên danh không, có tùy theo ràng buộc, không đủ gọi là có. Nghĩa là hoặc có dứt, dù được ly hệ đắc, nhưng vì thiếu đắc khác, nên chấp nhận lại xả hẳn. Hoặc lại có dứt, đắc khác dù sinh chưa thiếu hàng đầu của sinh tử vững chắc, do nhiễm của tám địa dù đã từng lìa, nhưng vì chưa có thể thiếu hàng đầu sinh tử kia, nên lại rơi vào ngục đường ác. Hoặc lại có dứt, dù cũng thiếu hàng đầu sinh tử vững chắc kia, nhưng sự ràng buộc phiền não khác vẫn chưa trừ, nên đối với nghĩa dứt hẳn chưa được viên mãn. Hoặc lại có dứt sự ràng buộc khác cũng dứt trừ, nhưng cũng chưa thể vượt qua cõi bị lệ thuộc, do hoặc đồng loại chưa dứt sạch hết. Đối với nghĩa dứt cũng chưa viên mãn.

Các dứt như thế đều có tùy theo ràng buộc. Cho nên, ở tám địa kia, không lập biết khắp, chỉ ba, bốn trong chín vị, duyên dứt đủ không có tùy theo ràng buộc, có thể lập biết khắp.

Sao gọi là duyên đủ? Tụng rằng:

*Vô lậu đắc, dứt đắc Và
thiếu hữu thứ nhất
Diệt hai nhân, vượt cõi
Nên lập chín biết khắp.*

Luận chép: Kiến dứt, pháp dứt vì đủ ba duyên, ấy là lập biết khắp, tu dứt, pháp dứt, vì đủ bốn duyên, nên mới lập biết khắp. Kiến dứt, pháp dứt, đủ ba duyên, nghĩa là được ly hệ đắc vô lậu, vì thiếu Hữu Đảnh, vì diệt hai nhân.

Trong đây, phạm phu dù cũng có lìa nhiễm của tám địa, gọi là diệt hai nhân, nhưng dứt không phải biết khắp, vì thiếu hai duyên khác, nên vị kiến Thánh đế, các dứt thứ hai, thứ ba sát-na, dù chưa có hệ đắc vô lậu, nhưng vì thiếu hai duyên khác nên chưa lập biết khắp. Sát-na thứ tư, thứ năm, dù cũng thiếu Hữu Đảnh, hai nhân chưa diệt, nhưng vẫn không lập biết khắp.

Kiến tập dứt nhân, vì có chưa diệt, vị tập pháp trí, hai bộ cõi Dục dứt, vì đủ ba duyên, nên được gọi là biết khắp. Năm sát-na sau, vị loại pháp trí, vì dứt đủ ba duyên nên đều được gọi là biết khắp. Tu dứt, pháp dứt, đủ bốn duyên: Ba duyên như trên, vượt cõi thứ tư. Nghĩa là địa chưa siêu việt của Thánh trong các cõi. Thánh kia đã được dứt, chỉ đủ ba duyên. Nếu đã vượt địa, chưa vượt cõi thì sở đắc dứt kia cũng thiếu một duyên, nếu khi siêu việt cõi, thì bốn duyên mới đủ, tùy theo sự thích ứng với dứt kia, được gọi là biết khắp.

Có thuyết nói: Năm duyên thêm nghĩa lia đều có trói buộc, vì khác với trước, nên nói hai nhân diệt, vì đều có ly hệ thành, nên ở đây không nói. Lia thành tựu, có bao nhiêu biết khắp? Tụng rằng:

*Vị trụ kiến đế, không
Hoặc thành một đến năm
Tu thành sáu, một, hai
Vô học chỉ thành một.*

Luận chép: Trong vị phạm phu dù lia được nhiễm, cho đến tám địa, cũng không thành biết khắp. Đối với vị Thánh, dựa vào định Vị chí, nhập kiến đế, từ vị đầu tiên cho đến vị tập pháp nhãn, cũng không có biết khắp, đến vị Tập pháp trí, Tập loại nhãn, chỉ thành tựu một, đến vị Tập loại trí, diệt pháp nhãn, đó là thành tựu hai, đến vị diệt pháp trí, diệt loại nhãn, đó là thành tựu ba, đến vị Diệt loại trí, Đạo pháp nhãn, đó là thành tựu bốn, đến vị Đạo pháp trí, Đạo loại nhãn, ấy là thành tựu năm. Dựa vào định căn bản, nhập kiến đế, đến Tập loại nhãn cũng không có biết khắp. Vì sau, tùy theo sự thích ứng như lý tư duy, lựa chọn.

Người trụ vị tu đạo chưa lia dục, Đạo loại trí là đầu tiên, cho đến chưa được hoàn toàn lia nhiễm cõi Dục và lui sụt lia dục, đều thành tựu sáu, đến hoàn toàn lia dục, do lia dục, đạo Giải thoát thứ chín là đầu tiên, cho đến lia cõi Sắc, đạo Vô gián sau cuối, trước lia dục, từ Đạo loại trí, cho đến trước khi chưa khởi sắc tận đạo, chỉ thành một biết khắp, nghĩa là thuận với tận phần dưới, từ ái sắc tận và vị Vô học, khởi lui sụt triển sắc, cũng một như trước. Có người ái sắc, từ ái sắc hết hẳn, người lia sắc trước, từ khởi sắc tận đạo, đến trước khi chưa hoàn toàn lia ái Vô sắc, thành tận phần dưới. Ái sắc tận hai từ lui sụt Vô học, khởi triển Vô sắc, thành hai tên biết khắp, như trước đã nói: “Trụ vị Vô học, chỉ thành tựu một. Nghĩa là tất cả kiết hết hẳn biết khắp”.

Nếu dựa vào căn bản, khi nhập chánh chắc chắn, đạo loại trí, trí ấy dứt hiện có cũng được thuận với dứt phần dưới. Tên biết khắp: là nên thừa nhận quả Căn bản chỉ có năm, biết khắp chỉ cho pháp kiến dứt của

cõi Sắc, cõi Vô sắc, dứt được tên biết khắp kia, nên không có lỗi.

Vì sao chỉ có pháp kiến dứt này, cũng được gọi là biết khắp kia?

Do được dần quả Bất hoàn: vì ở trên dứt này đặt tên biết khắp kia. Lại, đạo, tục trước đã dứt phần dưới. Nay, vì sức Thánh đạo khiến không bao giờ sinh, nên sở đắc kia dứt, giả nói là quả này, nay thật sự không được muốn dứt biết khắp.

Vì sao quả A-la-hán Bất hoàn nhóm hợp chung các dứt, lập một biết khắp?

Tụng rằng:

*Vì vượt cõi, đắc quả
Hai xứ, hợp biết khắp.*

Luận chép: Vì đủ hai duyên, nên đối với dứt sở đắc, nhóm hợp chung lập ra làm một biết khắp:

1. Vượt qua cõi.
2. Đắc quả.

Nói nhóm hợp: Là nghĩa hợp một. Nếu ở phần Vô sắc, vì lìa nhiễm, nên được quả Dự lưu. Thì vì hoàn toàn lìa nhiễm, nên được A-la-hán.

Nếu ở phần cõi Dục, vì lìa nhiễm, nên được quả Nhất lai, thì vì lìa nhiễm hoàn toàn, nên được quả Bất hoàn.

Nếu ở phần cõi Sắc, hoàn toàn lìa, lìa đều có, thì sẽ không đắc quả, chỉ ở hai xứ, đầy đủ hai duyên, nghĩa là khi đắc quả, cũng tức là vượt qua cõi, nên A-la-hán và quả Bất hoàn, do nhóm hợp dứt sở đắc, lập một biết khắp. Bấy giờ, vì khởi chung một vị đắc, nên khi hai quả khác đắc dù một vị mà chưa vượt qua cõi, khi ái sắc tận, dù là vượt qua cõi không có một vị đắc, nên ở một vị Bất hoàn kia không nhóm hợp biết khắp, vì phải đủ hai duyên mới nhóm hợp chung.

Ai xả? Ai được? Có bao nhiêu thứ biết khắp?

Tụng rằng:

*Xả một, hai, năm, sáu
Đắc cũng vậy, trừ năm.*

Luận chép: Nói xả một. Nghĩa là từ Vô học và ái sắc tận, hoàn toàn lui sụt lìa dục.

Nói xả hai. Nghĩa là các Bất hoàn từ ái sắc tận, khởi lui sụt triền dục và Bất hoàn kia khi đạt được A-la-hán. Đối với người trước kia đã lìa dục, dựa vào định căn bản, nhập kiến đế, khi đạo loại nhãn. Nói xả năm: Kinh chủ giải thích: Nghĩa là vị Đạo loại trí lìa dục trước kia, ở đây, chỉ nên nói thời gian đạo loại nhãn, thời gian đạo loại trí, vì đạo kia đã xả.

Nói về được, xả vì căn cứ sắp nói. Lại, nên nói phân biệt, dựa vào định Vị chí, nhập kiến đế, nếu dựa vào căn bản nhập kiến đế, thì đối với dứt cõi Dục, không được vô lậu, vì ly hệ đắc, nên không được ba thứ biết khắp của pháp dứt, kiến dứt của cõi Dục, chẳng phải không được trước có thể nói xả hiện nay.

Nói xả sáu. Nghĩa là có bậc Thánh chưa lìa dục, khi được Bất hoàn đắc cũng vậy, nghĩa là có khi được một, được hai, được sáu.

Nói đắc một. Nghĩa là trong chín thứ vị tập pháp nhãn, v.v... của vị thắng tiến và từ Vô học khởi lui sụt triển sắc.

Nói đắc hai. Nghĩa là từ Vô học, khi khởi lui sụt các triển cõi Vô sắc.

Nói đắc sáu. Nghĩa là lui sụt Bất hoàn.

Không có đắc năm. Về lý, vì không có chấp nhận, nghĩa là trước lìa dục, dựa vào định Vị chí, nhập kiến đế, khi Đạo loại nhãn, xả năm biết khắp, được quả Bất hoàn. Quả ấy, nếu lui sụt có thể được năm biết khắp. Vì sự lui sụt này không có, nên không chấp nhận đắc năm.

Lẽ nào không phải thắng tiến khi được Thánh quả, đối với các vô vi, lại khởi đắc vượt hơn, mới có thể gọi đắc hay sao?

Thà xả biết khắp, căn cứ ở dứt, thật như vậy, vì thường thành tựu, chỉ hiện nay còn căn cứ trong chín biết khắp, nếu được tên khác, vốn gọi là mất, gọi là xả, cũng không vượt qua lập ra biết khắp, vì khác với dứt.

